



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 70 / BC - DEIDCO

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Năm 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400568767
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại : (0236) 3889950 - (0236) 3889954
- Số fax : (0236) 3889957
- Website : Iseebooks.vn
- Mã cổ phiếu : DAD

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đà Nẵng ra đời trên cơ sở thành lập mới, với cổ đông sáng lập chính là Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các cổ đông góp vốn khác, bao gồm tất cả cán bộ công nhân viên của Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng.

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08 tháng 06 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

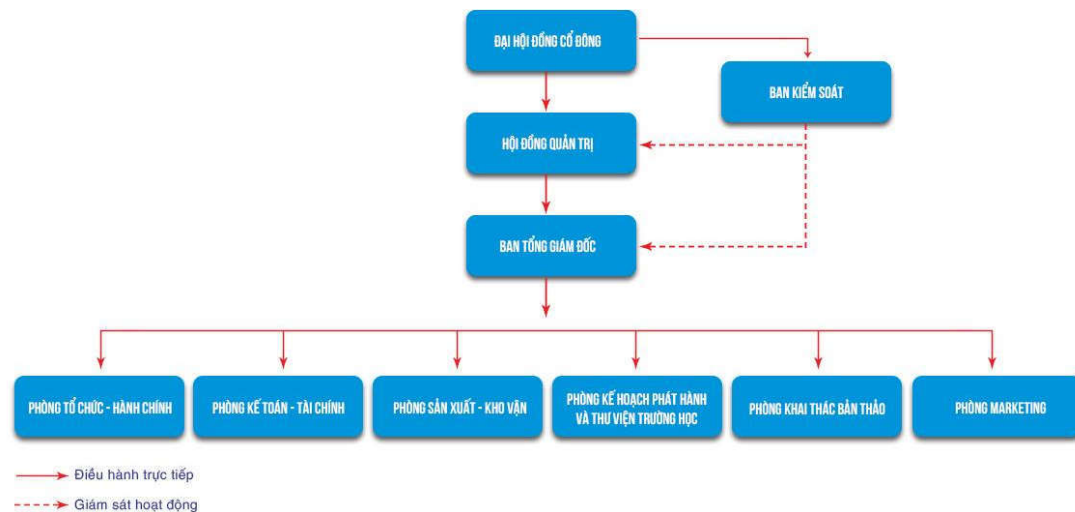
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc; Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Dạy nghề; Đào tạo nghề, tin học, ngoại ngữ.
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

- Địa bàn kinh doanh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Kom Tum.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị



b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

• Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 26/3/2019

+ Hội đồng quản trị có năm thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2017→2022. Trong năm thành viên của Hội đồng quản trị, có ba thành viên không kiêm nhiệm là Phó Tổng giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Phó Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần NVN Việt Nam và hai thành viên còn lại là cán bộ Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, trong đó Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty đã miễn nhiệm ngày 26/3/2018.

• Từ ngày 26/3/2019 đến ngày 31/12/2019

+ Hội đồng quản trị có năm thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2017→2022. Trong năm thành viên của Hội đồng quản trị, có ba thành viên không kiêm nhiệm là Trưởng ban Kế hoạch Marketing Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Phó Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch

hội đồng quản trị Công ty cổ phần NVN Việt Nam và hai thành viên còn lại là cán bộ Công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

+ Ban kiểm soát gồm ba thành viên được Đại hội cổ đông thường niên bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2017→2022. Trong ba thành viên của Ban kiểm soát có hai thành viên không kiêm nhiệm là Kế toán trưởng và Kế toán viên Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng, một thành viên còn lại là cán bộ công nhân viên phòng Tổ chức hành chính của Công ty.

+ Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng được hội đồng quản trị Công ty bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2017→2022. Ban Tổng Giám đốc gồm có hai thành viên gồm: Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

c. Các công ty liên kết:

| Nội dung | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Vốn góp (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Ghi chú |
|----------------------------|---------------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|------------------|---------|
| CÔNG TY LIÊN KẾT | | | | | | |
| CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng | 420 Lê Duẩn, Đà Nẵng. | Sản xuất, in sách | 11 | 2,53 | 20% | |
| CTCP Sách & TB Bình Định | 219 Nguyễn Lữ, Bình Định. | Mua bán sách | 11,264 | 2,92 | 25,92% | |

5. Định hướng phát triển

Hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực sản xuất; mở rộng thị phần; đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp, lợi ích hợp pháp của cổ đông và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | TH 2019 / TH 2018 | TH 2019 / KH 2019 |
|-------------|---------|--------------------|-------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| + Doanh thu | Tỷ đồng | 139,37 | 134 | 174,24 | 125,02% | 130,03% |
| + Lợi nhuận | ,, | 16,05 | 16 | 17,21 | 107,23% | 107,56% |
| + Cổ tức | % | 15 | Tối thiểu 15 | 15 | | |

2. Tổ chức và nhân sự

+ Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- 1. Tổng Giám đốc** : **Nguyễn Quang Dũng**
- Chức vụ : Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
 - Nơi sinh : Quảng Nam
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng
 - Điện thoại liên lạc : 0988787827
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- 2. Kế toán trưởng** : **Lê Ngọc**
- Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974
 - Nơi sinh : TP Hạ Long
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú : 54 Trần Thanh Mại, Đà Nẵng
 - Điện thoại liên lạc : 0236 889925 – 0903283156
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 18.000 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBNV là 49 người, gồm Ban TGD và 6 Phòng ban chức năng;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Phối hợp với các đơn vị thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xây dựng phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) và Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản và Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) theo chủ trương đã được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và hội đồng quản trị Công ty thông qua..

b. Các công ty liên kết:

(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết)

đvt: tỷ đồng

| Nội dung | Địa chỉ | Doanh thu năm 2019 | Lợi nhuận trước thuế năm 2019 |
|----------------------------|--------------------------|--------------------|-------------------------------|
| CÔNG TY LIÊN KẾT | | | |
| CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng | 420 Lê Duẩn, Đà Nẵng | 39,0 | 1,8 |
| CTCP Sách & TB Bình Định | 219 Nguyễn Lữ, Bình Định | 50,3 | 1,4 |

4. Tình hình tài chính

a. Các chỉ tiêu kinh doanh

đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm |
|---------------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 93,8 | 111,8 | 19,19% |
| Doanh thu thuần | 136,3 | 171,9 | 26,12% |
| Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh | 40,45 | 54,46 | 34,64% |
| Lợi nhuận trước thuế | 16,05 | 17,21 | 7,23% |
| Lợi nhuận sau thuế | 12,68 | 13,36 | 5,36% |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

đvt: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 4,28 | 2,82 | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 15,10% | 25,36% | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> Vòng quay hàng tồn kho: + Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 3,96 | 3,81 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 9,30% | 7,77% | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết : 5.000.000 cổ phiếu

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành : 4.659.200 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

| Cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------|-------------------------|------------------|
| NHÀ NƯỚC | 2.075.000 | 41,50% |
| TRONG NƯỚC, trong đó | 1.386.700 | 27,73% |
| + Tổ chức: | 5.889 | 0,12% |
| - Cổ đông lớn | 0 | 0,00% |
| - Cổ đông nhỏ | 5.889 | 0,12% |
| + Cá nhân: | 1.040.011 | 20,79% |
| - Cổ đông lớn | 0 | 0,00% |
| - Cổ đông nhỏ | 1.040.011 | 20,80% |
| + Cổ phiếu quỹ | 340.800 | 6,82% |
| NGOÀI NƯỚC, trong đó | 1.538.300 | 30,77% |
| + Tổ chức: | 1.013.200 | 20,27% |
| - Cổ đông lớn | 613.500 | 12,27% |
| - Cổ đông nhỏ | 399.700 | 7,99% |
| + Cá nhân: | 525.100 | 10,50% |
| - Cổ đông lớn | 315.900 | 6,32% |
| - Cổ đông nhỏ | 209.200 | 4,18% |
| TỔNG CỘNG | 5.000.000 | 100,00% |

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Cổ phiếu quỹ hiện tại là 340.800 CP, trong năm không giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Chỉ tiêu về số lượng

| STT | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2018 | Năm 2019 | | Tỉ lệ% so với | |
|-----|---|-----------------|--------------------|-------------------|-------------------|---------------|---------------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2018 | KH 2019 |
| 1 | XUẤT BẢN | Đề tài | 99 | 107 | 114 | 115,15 | 106,54 |
| 1.1 | Sách tái bản (Sách in và SDT - IseeBooks) | Đề tài | 74 | 57 | 75 | 101,35 | 131,58 |
| 1.2 | STK mới (Kê cả liên kết xuất bản) | Đề tài | 21 | 46 | 35 | 166,67 | 76,09 |
| 1.3 | SDT- IseeBooks mới | Đề tài | 4 | 4 | 4 | 100,00 | 100,00 |
| 2 | IN VÀ PHÁT HÀNH | Sản phẩm | 13.413.000 | 13.348.000 | 15.637.000 | 116,58 | 117,15 |
| 2.1 | SBT.SGK | Bản | 9.643.000 | 9.145.000 | 10.778.000 | 111,77 | 117,86 |
| 2.2 | STC | Bản | 1.796.000 | 1.945.000 | 2.272.000 | 126,50 | 116,81 |
| 2.3 | SMR, STK, SP khác | Bản | 1.974.000 | 2.258.000 | 2.587.000 | 131,05 | 114,57 |

2. Chỉ tiêu về giá trị

| STT | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2018 | Năm 2019 | | Tỉ lệ% so với | |
|-----|------------------------------|---------|--------------------|----------|-----------|---------------|---------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2018 | KH 2019 |
| 1 | Vốn điều lệ | Ti đồng | 50 | 50 | 50 | 100,0 | 100,0 |
| 2 | Vốn cổ phiếu quỹ | Ti đồng | 3,40 | 3,40 | 3,40 | 100,0 | 100,0 |
| 3 | Vốn cổ phiếu lưu hành | Ti đồng | 46,60 | 46,60 | 46,60 | 100,0 | 100,0 |
| 4 | Doanh thu | Ti đồng | 139,4 | 134 | 174,2 | 125,0 | 130,0 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Ti đồng | 16,05 | 16 | 17,21 | 107,2 | 107,6 |
| 6 | Tỉ suất LN / VDL | % | 0,32 | 0,32 | 0,34 | 106,3 | 106,3 |
| 7 | Tỉ suất LN / Vốn CP lưu hành | % | 0,34 | 0,34 | 0,37 | 108,8 | 108,8 |
| 8 | Vốn tích lũy | Ti đồng | 26,09 | 29,27 | 29,27 | 112,2 | 100,0 |
| 9 | Cổ tức | % | 15 | 15 | 15 | - | - |
| 10 | Thu hồi công nợ | % | 94,2 | 93 | 97 | 103,0 | 104,30 |

3. Công tác đầu tư tài và phát triển cơ sở vật chất

a. Đầu tư tài chính

| STT | Danh mục đầu tư | Số tiền đầu tư | Tỷ lệ vốn ĐT/vốn ĐL | Thời điểm đầu tư |
|-----|---|----------------|---------------------|------------------|
| 1 | Công ty CP Sách TBTH TP.HCM (STC) | 408.545.000 | 0,26% | 27/02/2008 |
| 2 | Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (IDN) | 2.530.000.000 | 20,00% | 28/07/2008 |
| 3 | Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) | 2.919.500.000 | 25,92% | 28/07/2008 |
| 4 | Công ty CP D.vụ Xuất bản GD Đà Nẵng | 350.000.000 | 8,76% | 04/04/2009 |
| 5 | Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) | 1.000.000.000 | 2,27% | 28/06/2010 |
| 6 | Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI) | 8.877.750.000 | 8,59% | 19/09/2016 |
| 7 | Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị GD VN | 3.000.000.000 | 2,76% | 19/08/2016 |
| 8 | Công ty CP Sách Giáo dục Đà Nẵng (DAE) | 4.728.600.000 | 15,97% | 20/06/2019 |

b. Đầu tư và phát triển cơ sở vật chất

- Kho Hòa Cầm: Làm kho sách: 1.800 m²; Công ty Kido thuê: 705 m² kho và 170 m² khuôn viên đến 15/02/2021; Công ty Crown Worldwide thuê: 1.320 m² đến 15/7/2024; Đã ký phụ lục hợp đồng cho Công ty Crown Worldwide thuê kho giai đoạn từ 15/7/2018 đến 15/7/2020 với đơn giá cho thuê tăng 7% so với trước đây.
- Đầu tư cơ sở vật chất tại văn phòng 145 Lê Lợi và Kho sách giáo dục; Trang bị server mới, công cụ dụng cụ để CBNV thực hiện công việc tốt hơn.
- Đã trang bị 01 xe Innova 07 chỗ mới để phục vụ công tác thị trường, thay thế xe cũ từ năm 2006.
- Công ty đã phối hợp với Công an thành phố Đà Nẵng tổ chức diễn tập phương án PCCC và cứu hộ cứu nạn tại kho Sách giáo dục. Thực hiện theo yêu cầu của Công an PCCC về việc đầu tư hệ thống PCCC tự động tại kho sách, Công ty đã làm việc với các đơn vị tư vấn để triển khai thực hiện.

4. Công tác tổ chức, lao động - tiền lương

*** Hội đồng quản trị, gồm:**

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------------|
| 1. Ông Lê Hoàng Hải | - Chủ tịch miễn nhiệm ngày 26/3/2019 |
| 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | - Chủ tịch bổ nhiệm ngày 26/3/2019 |
| 3. Ông Nguyễn Quang Dũng | - Phó chủ tịch |
| 4. Bà Phạm Thị Thu Hương | - Ủy viên |
| 5. Ông Nguyễn Lê Văn | - Ủy viên |
| 6. Bà Lê Ngọc | - Ủy viên |

*** Ban kiểm soát:**

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Hồ Phú Cường | - Trưởng ban |
| 2. Ông Đặng Công Đức | - Ủy viên |
| 3. Bà Hồ Đoàn Thiên Kim | - Ủy viên |

*** Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng:**

- | | |
|--------------------------|------------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Dũng | - Tổng Giám đốc |
| 2. Bà Lê Ngọc | - Kế toán trưởng |

*** Cấp ủy chi bộ:**

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Dũng | - Bí thư |
| 2. Ông Lê Quốc Dũng | - Phó Bí thư |
| 3. Bà Lê Ngọc | - Ủy viên |

- Tổng số CBCNV của Công ty là 49 người. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 4, Đại học: 32, Cao đẳng: 1, Trung cấp: 7, Phổ thông: 5.
- Các Phòng chức năng gồm: Phòng Sản xuất - Kho vận; Phòng KHPH & TVTH; Phòng Khai thác bản thảo; Phòng Kế toán - Tài chính; Phòng Marketing và Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 26/3/2019. Đại hội đã thông qua các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh

năm 2019, thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty đối với ông Lê Hoàng Hải (do ông Lê Hoàng Hải có đơn xin từ nhiệm) và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

- HĐQT đã họp và thống nhất bầu bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Trưởng ban Kế hoạch Marketing Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022.
- Đã xây dựng phương án lương, thưởng dựa trên các quy định của pháp luật của Công ty và các chỉ tiêu cụ thể, đảm bảo sự thống nhất cao trong nội bộ Công ty, nhằm tạo sự công bằng và khuyến khích các CBNV Công ty phấn đấu thực hiện tốt công việc.
- Đã tổ chức ký lại hợp đồng lao động với CBNV Công ty theo Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật Lao động.
- Được sự đồng ý của Lãnh đạo NXBGD tại TP. Đà Nẵng và Lãnh đạo NXBGDVN, Công ty đã tuyển dụng 02 nhân sự bổ sung cho phòng Khai thác bản thảo và phòng Sản xuất – Kho vận nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh hiện nay của Công ty. Tổ chức nâng lương định kỳ năm 2019 cho 23 CBNV, chuyển ngạch lương cho 01 nhân viên. Thực hiện việc trả lương, thưởng theo đúng năng suất lao động và đóng góp cho công việc.
- Đã tổ chức kỉ niệm các ngày lễ: Quốc tế Phụ nữ 08/3, Ngày chiến thắng 30/4, ngày Quốc tế lao động 01/5, ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6, ngày Gia đình Việt Nam 28/6, ngày Quốc khánh (02/9) tạo không khí vui tươi đoàn kết trong nội bộ Công ty. Tổ chức cho CBNV tham gia các hoạt động du xuân tại Ninh Bình, tổ chức đoàn khách hàng tham quan học tập tại nước ngoài, tổ chức các đoàn CBNV tham quan học tập trong nước.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2019 cho CBNV, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động theo Thỏa ước lao động tập thể.
- Thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện với tổng giá trị thực hiện gần 360 triệu đồng.
- Kết quả thi đua, khen thưởng năm 2019 của Công ty:
 - + Được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam công nhận:
 - * Tập thể Công ty là một trong 05 đơn vị Xuất sắc tiêu biểu năm 2019;
 - * 02 phòng chuyên môn đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc của tập thể nhỏ;
 - * 04 phòng chuyên môn đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến của tập thể nhỏ;
 - * 02 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

5. Kế hoạch năm 2020:

a. Chỉ tiêu số lượng

| STT | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2020 |
|----------|---------------------------------------|---------------|-------------------|
| 1 | Xuất bản | Đề tài | 83 |
| 1.1 | Sách tái bản | Đề tài | 67 |
| 1.2 | Sách in mới (kể cả liên kết xuất bản) | Đề tài | 16 |
| 2 | In và phát hành | Bản | 13.487.600 |
| 2.1 | SBT.SGK | Bản | 8.812.000 |
| 2.2 | SGK tự chọn | Bản | 2.290.600 |
| 2.3 | SBT MR, STK, SP khác | Bản | 2.385.000 |

b. Chỉ tiêu giá trị

| STT | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2020 |
|-----|----------------------------|------|---------------|
| 1 | Doanh thu | Đồng | 145 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 15,5 |
| 3 | Tỉ suất lợi nhuận trên VDL | % | 31% |
| 4 | Tỉ lệ cổ tức | % | Tối thiểu 15% |
| 5 | Tỉ lệ thu hồi công nợ | % | Tối thiểu 93% |

c. Công tác tổ chức, lao động - tiền lương

- KIỆN TOÀN BỘ MÁY TỔ CHỨC LAO ĐỘNG HỢP LÝ ĐỂ PHÁT HUY TỐT NGUỒN LỰC HIỆN NAY. Tổ chức hoạt động, vận hành bộ máy Công ty theo các quy chế của Công ty: Quy chế nội bộ, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể,...
- Tổ chức nâng lương định kỳ hàng năm cho người lao động; Giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các quy định nội bộ của Công ty. Tiếp tục cải tiến quy định về lương sản phẩm đảm bảo khích lệ CBCNV đóng góp nhiều hưởng nhiều.
- Bổ sung nhân sự cho bộ phận tổ chức bản thảo có đủ chuyên môn, nghiệp vụ để tổ chức bản thảo theo chương trình mới.

d. Công tác đầu tư và phát triển cơ sở vật chất

- Thực hiện theo chủ trương của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và HĐQT Công ty; Tiếp tục hoàn thiện hệ thống PCCC tại kho.
- Tiếp tục rà soát lại các khoản đầu tư không hiệu quả để thoái vốn nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

6. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm 2019, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Ban lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Đà Nẵng; Sự kết hợp và hỗ trợ của các đơn vị thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Cùng với sự đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã tiếp tục vượt qua những khó khăn, phát huy tốt các nguồn lực và có được bước đi thích hợp: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị; Giữ vững, tăng trưởng được số lượng phát hành, doanh thu, cổ tức của cổ đông và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động; Cơ sở vật chất được ổn định và phát huy hiệu quả sử dụng; Uy tín cổ phiếu DAD trên sàn chứng khoán đã được củng cố.

Trong các cuộc họp định kỳ và bất thường, HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành. Tổng giám đốc cũng thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động, các khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành, quản trị Công ty.

a. Hoạt động năm 2019 như sau:

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 như sau

| STT | Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện năm 2018 | Năm 2019 | | Tỉ lệ% so với | |
|-----|----------------------|---------|--------------------|----------|-----------|---------------|---------|
| | | | | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2018 | KH 2019 |
| 1 | Doanh thu | Ti đồng | 139,4 | 134 | 174,2 | 125,0 | 130,0 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Ti đồng | 16,05 | 16 | 17,21 | 107,2 | 107,6 |
| 3 | Cổ tức | % | 15 | 15 | 15 | | |

- Chi trả cổ tức

Trong năm 2019, công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức 15% của năm 2018 và HĐQT đã thông qua phương án tạm ứng trả cổ tức 2019 với tỉ lệ 15%.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán

Thực hiện ủy quyền của ĐHCĐ thường niên năm 2019, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT đã lựa chọn đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC).

b. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020:

- Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020

Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2020, cụ thể như sau:

- Doanh thu : 145 tỉ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 15,5 tỉ đồng
- Cổ tức : Tối thiểu 15% trên vốn điều lệ
- Quỹ đầu tư phát triển : 5% Lợi nhuận sau thuế

- Thù lao HĐQT, BKS : 5% Lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng phúc lợi : 15% Lợi nhuận sau thuế

- Định hướng mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2020 cho Ban điều hành

- Phát huy các ưu điểm, kết quả đạt được trong năm 2019 và thẳng thắn nhìn nhận các tồn tại, khuyết điểm để khắc phục trong năm 2020 nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của từng CBCNV, của từng phòng và của Công ty. Nghiêm túc thực hiện tiến độ công việc theo từng tháng, từng quý và đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề tài theo kế hoạch.

- Triển khai xây dựng đội ngũ tác giả, kế hoạch đề tài cho việc thay sách theo chủ trương một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa.

- Thực hiện việc cung ứng vật tư theo quy định của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và tăng cường công tác KCS sách nhập kho để đảm bảo đúng chất lượng cung ứng ra thị trường; Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng quản lý các kho sách, vật tư không để tình trạng thiếu xảy ra.

- Đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường - in - phát hành để đảm bảo việc tồn kho an toàn nhất; Gắn chặt chẽ với việc chỉ đạo chuyên môn của Lãnh đạo và các Phòng chuyên môn của các Sở Giáo dục và Đào tạo tại khu vực miền Trung; Tổ chức việc phát hành sách đến trường học thông qua hệ thống; Có biện pháp cải thiện kết quả phát hành SBT và STC tại các tỉnh có tỉ lệ bình quân thấp.

- Đa dạng hóa các sản phẩm của công ty qua hình thức liên kết phát hành các sản phẩm của các đơn vị thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của ĐHĐCĐ thường niên 2020

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của BDH và bộ máy giúp việc Công ty

- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SXKD.

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- 1. Họ và tên** : **Lê Hoàng Hải**
- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị miễn nhiệm ngày 26/3/2019
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 24-12-1969
 - Nơi sinh : Hải Dương
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú : SN6, ngách 31/11, Phan Đình Giót, Hà Nội
 - Điện thoại liên lạc : 0903 423 828
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 0
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- 2. Họ và tên** : **Nguyễn Thị Thanh Thủy**
- Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ngày 26/3/2019
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 11/01/1967
 - Nơi sinh : Tuyên Quang
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú : Phòng 801 CC Cao Tầng Vĩnh Phúc, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
 - Điện thoại liên lạc : 0912 209 924
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân luật
 - Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- 3. Họ và tên** : **Nguyễn Quang Dũng**
- Chức vụ : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
 - Nơi sinh : Quảng Nam
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú : Tổ 17, Hoà Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
 - Điện thoại liên lạc : 0988 787 827
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 - Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không

4. Họ và tên : **Phạm Thị Thu Hương**

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 04/02/1974
- Nơi sinh : Thành phố Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 94, Nguyễn Du, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0914 354 577
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

5. Họ và tên : **Nguyễn Lê Văn**

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/08/1983
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 154/49/64 Âu Dương Lân, P. 3, Q.8, HCM
- Điện thoại liên lạc : 0938 222 128
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

6. Họ và tên : **Lê Ngọc**

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974
- Nơi sinh : TP Hạ Long
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 54 Trần Thanh Mại, Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0903283156
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 18.000 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Ghi chú : Bổ nhiệm ngày 28/3/2018

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng CP nắm giữ | Tỉ lệ (%) |
|-----|-----------------------|---------|---------------------|-----------|
| 1 | Lê Hoàng Hải | CT.HĐQT | 0 | 0 |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | CT.HĐQT | 0 | 0 |

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng CP năm giữ | Tỉ lệ (%) |
|-----|--------------------|-----------------------------|------------------------|--------------|
| 3 | Nguyễn Quang Dũng | PCT.HĐQT - Tổng Giám Đốc | 14.800 | 0,30 |
| 4 | Phạm Thị Thu Hương | UV.HĐQT | 0 | 0 |
| 5 | Nguyễn Lê Văn | UV.HĐQT | 0 | 0 |
| 6 | Lê Ngọc | UV.HĐQT | 18.000 | 0,36 |
| | Tổng cộng | | 32.800 | 0,66 |

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có tiểu ban

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------|------------|---|
| 1 | 93/2019/NQ- HĐQT | 11/03/2019 | - Thông qua việc chọn ngày tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2019 - Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2018 |
| 2 | 95/NQ- DEIDCO | 11/03/2019 | - Đồng ý việc vay vốn và nhu cầu tín dụng khác tại NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Bắc Đà Nẵng |
| 3 | 120/NQ- DEIDCO | 26/03/2019 | - Thông qua việc bầu bà Nguyễn Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 |
| 4 | 127A/NQ- DEIDCO | 29/03/2019 | - Đồng ý việc vay vốn và nhu cầu tín dụng khác tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng |
| 5 | 255/NQ- DEIDCO | 17/05/2019 | - Bổ nhiệm ông Lê Diêm Hùng giữ chức vụ Trưởng phòng Khai thác bản thảo. |
| 6 | 373A/NQ- DEIDCO | 28/06/2019 | - Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP ĐT và PT GD Đà Nẵng là CN Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh. |
| 7 | 524/NQ- DEIDCO | 03/10/2019 | - Bổ nhiệm ông Phan Minh Nhật giữ chức vụ Trưởng phòng Marketing. |

2. Ban Kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu thành viên BKS | Tỷ lệ sở hữu CP có biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác |
|-----|----------------------|------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 1 | Ông Hồ Phú Cường | Trưởng ban | 20/05/2017 | 0 | 0 |
| 2 | Ông Đặng Công Đức | Ủy viên | 20/05/2017 | 0 | 0 |
| 3 | Bà Hồ Đoàn Thiên Kim | Ủy viên | 20/05/2017 | 0 | 0 |

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Phòng 24.2, Tầng 24, Tòa nhà VIMECO, đường Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Phụ lục báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 đính kèm) *read*



NGUYỄN QUANG DŨNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC ĐÀ NẰNG**

MỤC LỤC

---- oOo ----

| | Trang |
|---|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 04- 05 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 06 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 07 |
| 6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 08 - 41 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/8/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách bổ trợ, sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

Tên tiếng anh: DANANG EDUCATION INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: DEIDCO.

Mã chứng khoán: DAD.

Trụ sở chính: Số 145 Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | | | |
|-----|-----------------------|-----------------|----------------------------|
| Ông | Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 26/03/2019 |
| Bà | Nguyễn Thị Thanh Thủy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/03/2019 |
| Ông | Nguyễn Quang Dũng | Phó Chủ tịch | |
| Bà | Phạm Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT | |
| Ông | Nguyễn Lê Văn | Thành viên HĐQT | |
| Bà | Lê Ngọc | Thành viên HĐQT | |

Ban Kiểm soát

| | | |
|-----|-------------------|------------|
| Ông | Hồ Phú Cường | Trưởng ban |
| Ông | Đặng Công Đức | Thành viên |
| Bà | Hồ Đoàn Thiên Kim | Thành viên |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

3. Thành phần Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|-----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Quang Dũng | Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Ngọc | Kế toán trưởng |

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

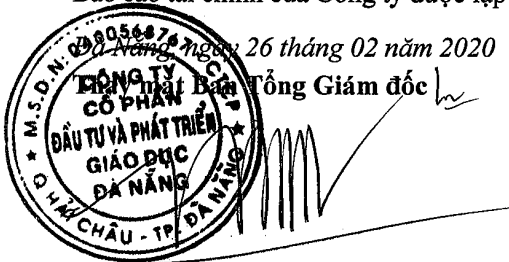
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

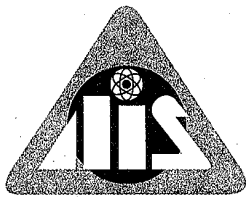
6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Nguyễn Quang Dũng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0619021-R/AISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2020, từ trang 04 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

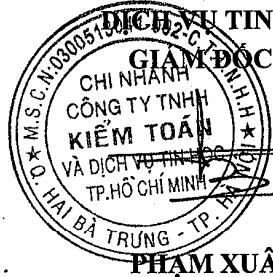
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2020

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM (AISC)**



PHẠM XUÂN SON

Số giấy CNDKHNKT: 1450-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

VŨ KHẮC CHUYỀN

Số Giấy CNDKHNKT: 0160-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : 6 Floor, 36 Hoa Bình 4 Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist.,
Hà Nội City

Branch in Đà Nẵng : 350 Hải Phòng St., Thanh Khê Dist., Đà Nẵng City

Representative in Cần Thơ: P9019 - A 200 Nguyễn Huệ St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng

Tel : (84.24) 3782 0045

Tel : (84.236) 3747 619

Tel : (84.28) 3832 9129

Tel : (84.24) 3782 0045

Fax : (84.24) 3782 0048

Fax : (84.236) 3747 620

Fax : (84.28) 3834 2957

Fax : (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

Email: danang@aisc.com.vn

Email: cantho@aisc.com.vn

Email: halphong@aisc.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 79.844.622.781 | 60.661.034.195 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 3.478.570.034 | 17.397.293.714 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.478.570.034 | 1.297.293.714 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 2.000.000.000 | 16.100.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.2 | 26.913.100.000 | 258.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 4.237.145.000 | 408.545.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (224.045.000) | (150.545.000) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 22.900.000.000 | 0 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 6.893.143.657 | 17.688.474.294 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 6.212.738.081 | 12.976.855.077 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 776.992.926 | 5.222.887.543 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 1.355.090.117 | 756.111.992 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.3,6 | (1.465.099.143) | (1.683.607.559) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.7 | 13.421.676 | 416.227.241 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.8 | 38.908.033.011 | 22.788.615.313 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 43.755.743.489 | 26.634.077.351 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (4.847.710.478) | (3.845.462.038) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.651.776.079 | 2.528.650.874 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9 | 3.651.776.079 | 2.137.355.127 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 0 | 177.578.273 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.14 | 0 | 213.717.474 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 31.992.485.392 | 33.125.003.890 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 19.509.109.257 | 18.961.110.125 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 11.494.442.257 | 11.161.111.125 |
| - Nguyên giá | 222 | | 18.731.470.076 | 17.837.029.485 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (7.237.027.819) | (6.675.918.360) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 8.014.667.000 | 7.799.999.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 8.114.999.000 | 7.884.999.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (100.332.000) | (85.000.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | 0 | 0 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 0 | 0 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 11.970.113.787 | 13.581.427.501 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 5.449.500.000 | 5.449.500.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 13.227.750.000 | 13.227.750.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (6.707.136.213) | (5.095.822.499) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 513.262.348 | 582.466.264 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9 | 513.262.348 | 582.466.264 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 111.837.108.173 | 93.786.038.085 |

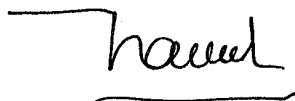
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 28.358.664.754 | 14.157.325.981 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 28.358.664.754 | 14.157.325.981 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 9.232.880.486 | 6.227.286.549 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 1.137.092.686 | 1.762.415.258 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 704.381.837 | 216.258.826 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.385.136.126 | 1.279.797.971 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 4.846.935.104 | 3.543.312.168 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 26.450.400 | 26.450.400 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 13.990.978 | 328.712.066 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | 10.000.000.000 | 0 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.011.797.137 | 773.092.743 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 0 | 0 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 83.478.443.419 | 79.628.712.104 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 83.478.443.419 | 79.628.712.104 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (2.907.360.967) | (2.907.360.967) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 7.113.856.062 | 6.445.655.111 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 29.271.948.324 | 26.090.417.960 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 18.848.013.491 | 15.946.239.209 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 10.423.934.833 | 10.144.178.751 |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 111.837.108.173 | 93.786.038.085 |

NGƯỜI LẬP BIỂU



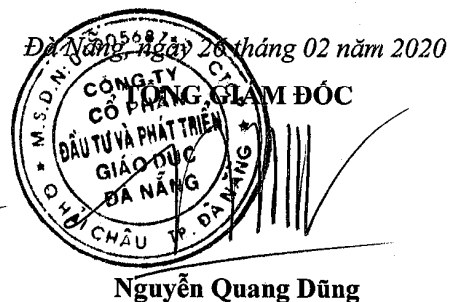
Nguyễn Hà Khiêm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
QUẬN CHÂU TP. ĐÀ NẴNG

Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

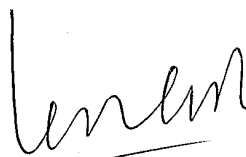
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 177.544.279.628 | 140.217.158.714 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 5.593.532.154 | 3.924.990.921 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.3 | 171.950.747.474 | 136.292.167.793 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.4 | 117.492.886.282 | 95.846.422.919 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 54.457.861.192 | 40.445.744.874 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.5 | 1.970.207.196 | 1.613.276.000 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.6 | 3.021.562.214 | 52.235.341 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 750.567.726 | 399.575.905 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.7a | 19.292.016.060 | 14.410.664.571 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7b | 17.216.614.078 | 13.007.858.529 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | 16.897.876.036 | 14.588.262.433 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 314.378.298 | 1.461.534.271 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 366.589 | 1.555.985 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 314.011.709 | 1.459.978.286 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 17.211.887.745 | 16.048.240.719 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.11 | 3.847.868.728 | 3.368.017.280 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 13.364.019.017 | 12.680.223.439 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.12 | 2.326,26 | 2.135,70 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.13 | 2.326,26 | 2.135,70 |

NGƯỜI LẬP BIỂU



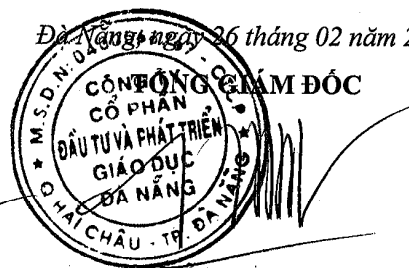
Nguyễn Hà Khiêm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2020



Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

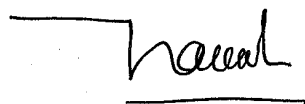
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 158.681.151.630 | 114.841.445.114 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (132.062.302.440) | (84.427.346.940) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (10.567.606.797) | (8.836.184.228) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (742.282.794) | (402.740.457) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | (3.363.434.532) | (2.562.332.087) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 3.627.893.863 | 2.165.008.705 |
| 7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 07 | | (9.473.488.934) | (8.379.817.686) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 6.099.929.996 | 12.398.032.421 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (1.516.531.500) | (1.266.240.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | 201.363.636 | 500.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (32.600.000.000) | 0 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 9.700.000.000 | 3.500.000.000 |
| 5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.185.314.188 | 766.401.352 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (23.029.853.676) | 3.000.661.352 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 79.764.165.845 | 46.416.123.574 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (69.764.165.845) | (51.162.951.274) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (6.988.800.000) | (8.244.305.010) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 3.011.200.000 | (12.991.132.710) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 50 | | (13.918.723.680) | 2.407.561.063 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ | 60 | | 17.397.293.714 | 14.989.732.651 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 70 | V.1 | 3.478.570.034 | 17.397.293.714 |

NGƯỜI LẬP BIỂU

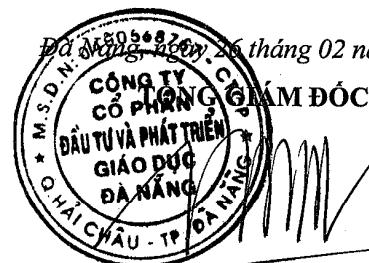


Nguyễn Hà Khiêm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Ngọc



Nguyễn Quang Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách bổ trợ, sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn. Chi tiết: Tổ chức, liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: Tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh vận tải hàng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

5. Tổng số cán bộ công nhân viên đến ngày 31/12/2019: 47 nhân viên.

(Ngày 31/12/2018: 44 nhân viên)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại các ngân hàng đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo giá bìa của từng loại sách thành phẩm phát sinh.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.**Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

| | |
|--|-------------|
| <i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i> | 06 - 25 năm |
| <i>Máy móc, thiết bị</i> | 06 - 10 năm |
| <i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i> | 03 năm |
| <i>Tài sản cố định vô hình khác: Website</i> | 05 năm |

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ; công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ....

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng (ngoại trừ chi phí thuê đất).

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; phí tổ chức bán thảo, phí bản quyền; chi phí hoa hồng môi giới...

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành của sản phẩm sản xuất đã bán trong năm.

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư; chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển, nhiên liệu, khấu hao phương tiện vận tải...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận. Năm 2019, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực kinh doanh.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng các mức 10%, 5% và không chịu thuế cho từng loại mặt hàng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|----------------------|-----------------------|
| Tiền | 1.478.570.034 | 1.297.293.714 |
| Tiền mặt | 45.910.000 | 12.958.655 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.432.660.034 | 1.284.335.059 |
| Các khoản tương đương tiền | 2.000.000.000 | 16.100.000.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng | 2.000.000.000 | 16.100.000.000 |
| <i>NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng</i> | <i>0</i> | <i>8.600.000.000</i> |
| <i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng</i> | <i>0</i> | <i>4.000.000.000</i> |
| <i>Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng</i> | <i>2.000.000.000</i> | <i>3.500.000.000</i> |
| Cộng | 3.478.570.034 | 17.397.293.714 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) |
| a1. Tổng giá trị cổ phiếu | 4.237.145.000 | 4.252.600.000 | 408.545.000 | 258.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh (STC) | 408.545.000 | 184.500.000 | 408.545.000 | 258.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng - Mã CK: DAE | 3.828.600.000 | 4.068.100.000 | 0 | 0 |
| Cộng | 4.237.145.000 | 4.252.600.000 | 408.545.000 | 258.000.000 |

(*) Công ty xác định giá trị hợp lý dựa trên giá gốc trừ (-) giá trị dự phòng được xác định theo giá đóng cửa gần nhất có giao dịch đến thời điểm lập BCTC năm.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1. Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng (*)

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Đà Nẵng

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

Cộng

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,5% - 6,5%/năm, lãi nhập gốc.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Tỷ lệ | Giá gốc | Tỷ lệ | Giá gốc |
| - Đầu tư vào công ty liên kết | | 5.449.500.000 | | 5.449.500.000 |
| Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng | 20,00% | 2.530.000.000 | 20,00% | 2.530.000.000 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định (BDB) | 25,92% | 2.919.500.000 | 25,92% | 2.919.500.000 |
| - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 13.227.750.000 | | 13.227.750.000 |
| Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng | 8,76% | 350.000.000 | 8,76% | 350.000.000 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (SMN) | 2,27% | 1.000.000.000 | 2,27% | 1.000.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư tài chính giáo dục (EFI) | 8,59% | 8.877.750.000 | 8,59% | 8.877.750.000 |
| Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục VN | 2,76% | 3.000.000.000 | 2,76% | 3.000.000.000 |
| Cộng | | 18.677.250.000 | | 18.677.250.000 |

(**): Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư liên kết dựa trên giá gốc trừ (-) giá trị dự phòng được xác định dựa trên Báo cáo tài chính riêng của đơn vị nhận đầu tư.

- Đối với khoản đầu tư vào đơn vị khác (tỷ lệ sở hữu dưới 20%): Dự phòng được xác định dựa trên giá đóng cửa gần nhất đến thời điểm lập BCTC năm (Đối với các đơn vị niêm yết trên Sàn Chứng khoán) và Báo cáo tài chính riêng (Đối với các đơn vị còn lại).

- Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết:

+ Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 17/01/2005, điều chỉnh lần thứ 06 ngày 18/5/2015, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng là 11.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã đầu tư 2.530.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng, tương đương 22,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.530.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng về công nợ phải thu Công ty gồm công in, bán lịch, ...

+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định (BDB)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 02/7/2007, điều chỉnh lần thứ 07 ngày 08/6/2016, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sách & Thiết bị Bình Định (BDB) là 11.264.740.000 đồng. Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã đầu tư 2.919.500.000 đồng vào Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB), tương đương 25,92% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.919.500.000 đồng, tương đương 25,92% vốn điều lệ).

Các giao dịch trọng yếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định về công nợ phải thu là bán sách cho Công ty.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 3. Phải thu của khách hàng | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 6.212.738.081 | (1.465.099.143) | 12.976.855.077 | (1.683.607.559) |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 0 | 0 | 3.483.555.843 | 0 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình | 277.750.209 | 0 | 2.891.600.308 | 0 |
| Công ty CP Sách - Thiết Bị Quảng Ngãi | 1.162.343.275 | 0 | 1.168.668.535 | 0 |
| Nhà sách Việt Lý- Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Việt Hưng | 466.365.552 | (326.455.886) | 481.216.252 | (237.641.426) |
| Nhà sách Yên Công | 483.096.006 | 0 | 308.735.006 | 0 |
| Công ty CP Sách - Thiết bị Tổng hợp Thanh Hóa | 249.869.888 | (249.869.888) | 299.869.888 | (276.225.232) |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định | 104.763.761 | 0 | 207.686.235 | 0 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - Thiết bị Thành Phát | 271.850.175 | (271.850.175) | 271.850.175 | (271.850.175) |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long | 0 | 0 | 30.801.460 | 0 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang | 0 | 0 | 1.581.000 | 0 |
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội | 0 | 0 | 82.766.903 | 0 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 0 | 0 | 43.550.000 | 0 |
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | 16.235.160 | 0 | 41.388.732 | 0 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị | 9.444.788 | 0 | 0 | 0 |
| Công ty CP Sách Thiết bị Bình Thuận | 3.000.000 | (1.500.000) | 16.611.420 | (4.949.910) |
| Khách hàng khác | 3.168.019.267 | (615.423.194) | 3.646.973.320 | (892.940.816) |
| Cộng | 6.212.738.081 | (1.465.099.143) | 12.976.855.077 | (1.683.607.559) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo) | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | | | | |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 0 | 0 | 3.483.555.843 | 0 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định | 104.763.761 | 0 | 207.686.235 | 0 |
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội | 0 | 0 | 82.766.903 | 0 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 0 | 0 | 43.550.000 | 0 |
| Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | 16.235.160 | 0 | 41.388.732 | 0 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị | 9.444.788 | 0 | 0 | 0 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long | 0 | 0 | 30.801.460 | 0 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang | 0 | 0 | 1.581.000 | 0 |
| Công ty CP Sách Thiết bị Bình Thuận | 3.000.000 | (1.500.000) | 16.611.420 | (4.949.910) |
| Cộng | 133.443.709 | (1.500.000) | 3.907.941.593 | (4.949.910) |

| 4. Trả trước cho người bán | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|--------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 776.992.926 | 0 | 5.222.887.543 | 0 |
| Công ty TNHH MTV in Nhân Dân Bình Định | 0 | 0 | 2.424.929.177 | 0 |
| CN Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ In Đà Nẵng - Xí nghiệp in tổng hợp | 284.834.818 | 0 | 1.271.928.251 | 0 |
| Công ty Cổ phần in và Dịch vụ Thừa Thiên Huế | 0 | 0 | 900.129.103 | 0 |
| Công ty Cổ phần Giấy Phụng Vĩnh Hưng | 0 | 0 | 500.000.000 | 0 |
| Nhà máy in Bộ Quốc phòng | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Các khách hàng khác | 492.158.108 | 0 | 125.901.012 | 0 |
| Cộng | 776.992.926 | 0 | 5.222.887.543 | 0 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 5. Phải thu khác | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 1.355.090.117 | 0 | 756.111.992 | 0 |
| Tạm ứng | 774.191.488 | 0 | 442.410.221 | 0 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 580.898.629 | 0 | 313.701.771 | 0 |
| + Dự thu | 589.183.561 | 0 | 309.611.240 | 0 |
| + Dự chi | (8.284.932) | 0 | 0 | 0 |
| + Các khoản phải thu khác | 0 | 0 | 4.090.531 | 0 |
| Cộng | 1.355.090.117 | 0 | 756.111.992 | 0 |
| 6. Nợ xấu | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| a, Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 03 năm | 624.238.265 | 0 | 662.226.461 | 0 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Sách - Thiết bị Thành Phát | 271.850.175 | 0 | 271.850.175 | 0 |
| Nhà sách Minh Đức | 0 | 0 | 53.597.832 | 0 |
| Siêu thị Quảng Ngãi | 30.739.290 | 0 | 30.739.290 | 0 |
| Siêu thị sách Nguyễn Văn Cừ - Quảng Nam | 25.582.026 | 0 | 25.582.026 | 0 |
| Các khách hàng khác | 296.066.774 | 0 | 280.457.138 | 0 |
| b, Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến 3 năm | 604.723.683 | 181.417.105 | 217.557.652 | 65.267.296 |
| Công ty Cổ phần Sách - TBTH Thanh Hoá | 0 | 0 | 78.815.520 | 23.644.656 |
| Nhà sách Việt Lý- Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Việt Hưng | 466.365.552 | 139.909.666 | 0 | 0 |
| Nhà sách Trọng Toàn | 0 | 0 | 30.862.296 | 9.258.689 |
| Công ty TNHH Tân Minh | 0 | 0 | 51.187.240 | 15.356.172 |
| Các khách hàng khác | 138.358.131 | 41.507.439 | 56.692.596 | 17.007.779 |
| c, Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến 2 năm | 801.110.050 | 400.555.025 | 1.237.729.542 | 618.864.771 |
| Trần Ngô Gia Bách | 663.305.390 | 331.652.695 | 0 | 0 |
| Công ty CP Gia Lai CTC | 58.732.980 | 29.366.490 | 126.028.793 | 63.014.397 |
| Công ty CP Quảng cáo và Dịch vụ Văn hóa Đà Nẵng | 0 | 0 | 162.215.000 | 81.107.500 |
| Công ty CP Phát hành sách Hà Tĩnh | 0 | 0 | 181.942.803 | 90.971.402 |
| Nhà sách Việt Lý | 0 | 0 | 466.382.752 | 233.191.376 |
| Các khách hàng khác | 79.071.680 | 39.535.840 | 301.160.194 | 150.580.096 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 6. Nợ xấu (tiếp theo) | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| d, Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán dưới 1 năm | 56.664.250 | 39.664.975 | 834.086.570 | 583.860.599 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Senior | 56.664.250 | 39.664.975 | 0 | 0 |
| Nhà sách Việt Lý | 0 | 0 | 14.833.500 | 10.383.450 |
| Công ty CP Quảng cáo và Dịch vụ Văn hóa Đà Nẵng | 0 | 0 | 18.750.000 | 13.125.000 |
| Trần Ngô Gia Bách | 0 | 0 | 724.209.390 | 506.946.573 |
| Các khách hàng khác | 0 | 0 | 76.293.680 | 53.405.576 |
| Cộng | 2.086.736.248 | 621.637.105 | 2.951.600.225 | 1.267.992.666 |
| 7. Tài sản thiếu chờ xử lý | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| Các loại sách kiểm kê thiếu | | | 13.421.676 | 416.227.241 |
| Cộng | | | 13.421.676 | 416.227.241 |
| 8. Hàng tồn kho | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường | 0 | 0 | 5.940.000 | 0 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.137.963.071 | 0 | 1.645.443.058 | 0 |
| Chi phí SX, KD dở dang | 24.150.363.204 | 0 | 10.750.208.299 | 0 |
| Thành phẩm | 17.467.417.214 | (4.847.710.478) | 14.005.931.097 | (3.845.462.038) |
| Hàng hoá | 0 | 0 | 226.554.897 | 0 |
| Cộng | 43.755.743.489 | (4.847.710.478) | 26.634.077.351 | (3.845.462.038) |
| 9. Chi phí trả trước | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | | | 3.651.776.079 | 2.137.355.127 |
| Chi phí chờ phân bổ | | | 3.651.776.079 | 2.087.106.037 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ | | | 0 | 50.249.090 |
| Chi phí trả trước dài hạn | | | 513.262.348 | 582.466.264 |
| Chi phí thuê đất KCN Hòa Cầm | | | 513.262.348 | 582.466.264 |
| Cộng | | | 4.165.038.427 | 2.719.821.391 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 14.823.396.303 | 2.737.200.000 | 276.433.182 | 17.837.029.485 |
| <i>Mua trong năm</i> | 0 | 932.700.000 | 353.831.500 | 1.286.531.500 |
| <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | 0 | (392.090.909) | 0 | (392.090.909) |
| Số dư cuối năm | 14.823.396.303 | 3.277.809.091 | 630.264.682 | 18.731.470.076 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 4.893.351.178 | 1.506.134.000 | 276.433.182 | 6.675.918.360 |
| <i>Khấu hao trong năm</i> | 664.513.968 | 238.247.400 | 50.439.000 | 953.200.368 |
| <i>Thanh lý, nhượng bán</i> | 0 | (392.090.909) | 0 | (392.090.909) |
| Số dư cuối năm | 5.557.865.146 | 1.352.290.491 | 326.872.182 | 7.237.027.819 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 9.930.045.125 | 1.231.066.000 | 0 | 11.161.111.125 |
| Số dư cuối năm | 9.265.531.157 | 1.925.518.600 | 303.392.500 | 11.494.442.257 |

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.020.022.000 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.946.437.805 VND.

11. Tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Tài sản cố định vô hình khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|------------------------------|---------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 7.799.999.000 | 85.000.000 | 7.884.999.000 |
| <i>Mua trong năm</i> | 0 | 230.000.000 | 230.000.000 |
| Số dư cuối năm | 7.799.999.000 | 315.000.000 | 8.114.999.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 0 | 85.000.000 | 85.000.000 |
| <i>Khấu hao trong năm</i> | 0 | 15.332.000 | 15.332.000 |
| Số dư cuối năm | 0 | 100.332.000 | 100.332.000 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 7.799.999.000 | 0 | 7.799.999.000 |
| Số dư cuối năm | 7.799.999.000 | 214.668.000 | 8.014.667.000 |

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 85.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 12. Phải trả người bán | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Ngắn hạn | 9.232.880.486 | 9.232.880.486 | 6.227.286.549 | 6.227.286.549 |
| Công Ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | 191.071.330 | 191.071.330 | 0 | 0 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng | 266.798.900 | 266.798.900 | 212.514.700 | 212.514.700 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | 1.318.081.345 | 1.318.081.345 | 859.953.574 | 859.953.574 |
| Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | 375.302.500 | 375.302.500 | 634.762.000 | 634.762.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | 277.490.120 | 277.490.120 | 451.506.928 | 451.506.928 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng | 0 | 0 | 379.915.452 | 379.915.452 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 1.500.323.276 | 1.500.323.276 | 0 | 0 |
| Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng | 76.528.402 | 76.528.402 | 0 | 0 |
| Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục | 38.771.200 | 38.771.200 | 41.955.200 | 41.955.200 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Gia Định | 12.913.238 | 12.913.238 | 8.942.804 | 8.942.804 |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | 77.284.250 | 77.284.250 | 0 | 0 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | 33.928.050 | 33.928.050 | 33.928.050 | 33.928.050 |
| Công Ty CP Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng | 214.763.219 | 214.763.219 | 171.543.204 | 171.543.204 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 50.000.000 | 50.000.000 | 0 | 0 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung | 3.954.700 | 3.954.700 | 0 | 0 |
| Phải trả các đối tượng khác | 4.795.669.956 | 4.795.669.956 | 3.432.264.637 | 3.432.264.637 |
| Cộng | 9.232.880.486 | 9.232.880.486 | 6.227.286.549 | 6.227.286.549 |
| b. Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng | 76.528.402 | 76.528.402 | 0 | 0 |
| Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục | 38.771.200 | 38.771.200 | 41.955.200 | 41.955.200 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 1.500.323.276 | 1.500.323.276 | 0 | 0 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 12. Phải trả người bán | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| b. Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo) | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | 277.490.120 | 277.490.120 | 451.506.928 | 451.506.928 |
| Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục | 375.302.500 | 375.302.500 | 634.762.000 | 634.762.000 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng | 266.798.900 | 266.798.900 | 212.514.700 | 212.514.700 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Gia Định | 12.913.238 | 12.913.238 | 8.942.804 | 8.942.804 |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội | 1.318.081.345 | 1.318.081.345 | 859.953.574 | 859.953.574 |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | 77.284.250 | 77.284.250 | 0 | 0 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội | 33.928.050 | 33.928.050 | 33.928.050 | 33.928.050 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 50.000.000 | 50.000.000 | 0 | 0 |
| Công Ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | 191.071.330 | 191.071.330 | 0 | 0 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung | 3.954.700 | 3.954.700 | 0 | 0 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng | 0 | 0 | 379.915.452 | 379.915.452 |
| Công Ty CP Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng | 214.763.219 | 214.763.219 | 171.543.204 | 171.543.204 |
| Cộng | 4.437.210.530 | 4.437.210.530 | 2.795.021.912 | 2.795.021.912 |
| 13. Người mua trả tiền trước | | | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
| a. Ngắn hạn | | | 1.137.092.686 | 1.762.415.258 |
| Công ty CP In - Phát hành sách và Thiết bị trường học Quảng Nam | | | 300.009.868 | 831.917.738 |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | | | 0 | 464.303.130 |
| Công ty TNHH CROWN WORLDWIDE | | | 316.800.000 | 316.800.000 |
| Các khách hàng khác | | | 520.282.818 | 149.394.390 |
| Cộng | | | 1.137.092.686 | 1.762.415.258 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 13. Người mua trả tiền trước (tiếp theo) | | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
|---|------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|
| b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan | | | | |
| Công ty CP In - PHS và TBTH Quảng Nam | | 300.009.868 | 831.917.738 | |
| Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | | 0 | 464.303.130 | |
| Cộng | | 300.009.868 | 1.296.220.868 | |
| 14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | | | | |
| | 01/01/2019 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2019 |
| Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 0 | 224.249.888 | 220.453.126 | 3.796.762 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (213.717.474) | 3.847.868.728 | 3.363.434.532 | 270.716.722 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 216.258.826 | 985.534.630 | 771.925.103 | 429.868.353 |
| Thuế môn bài | 0 | 3.000.000 | 3.000.000 | 0 |
| Cộng | 2.541.352 | 5.060.653.246 | 4.358.812.761 | 704.381.837 |
| 15. Chi phí phải trả | | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
| Ngắn hạn | | 4.846.935.104 | 3.543.312.168 | |
| Phí tổ chức bàn thảo, phí bản quyền | | 3.373.445.608 | 2.512.826.368 | |
| Phí quản lý xuất bản | | 1.473.489.496 | 1.030.485.800 | |
| Cộng | | 4.846.935.104 | 3.543.312.168 | |
| 16. Phải trả khác | | 31/12/2019 | 01/01/2019 | |
| Ngắn hạn | | 13.990.978 | 328.712.066 | |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | | 0 | 112.954.188 | |
| Phải trả ngắn hạn khác | | 13.990.978 | 215.757.878 | |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | | 320.000 | 320.000 | |
| Các khoản phải trả khác | | 13.670.978 | 215.437.878 | |
| Cộng | | 13.990.978 | 328.712.066 | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 17. Vay và nợ thuê tài chính | 31/12/2019 | | 01/01/2019 | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 0 | 0 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (*) | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 0 | 0 |
| Cộng | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 0 | 0 |

(*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng theo Hợp đồng số 35/2019/VCB-KHDN ngày 03/04/2019 số tiền 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay là 5,5%/năm. Biện pháp bảo đảm: 220.000 cổ phần do Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng phát hành. Xe toyota Fortuner biển số 43A-396.53. Quyền đòi nợ của tất cả các hợp đồng (khoản phải thu khách hàng) của hiện tại và trong tương lai.

14
NH
T
A
G
N
11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | 20.750.000.000 | 20.750.000.000 |
| Các cổ đông khác | 25.842.000.000 | 25.842.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 3.408.000.000 | 3.408.000.000 |
| Cộng | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Vốn góp đầu năm | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | 0 | 0 |
| Vốn góp giảm trong năm | 0 | 0 |
| Vốn góp cuối năm | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 6.988.800.000 | 8.386.560.000 |

d. Cổ phiếu

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | 0 | 0 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 340.800 | 340.800 |
| Cổ phiếu phổ thông | 340.800 | 340.800 |
| Cổ phiếu ưu đãi | 0 | 0 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.659.200 | 4.659.200 |
| Cổ phiếu phổ thông | 4.659.200 | 4.659.200 |
| Cổ phiếu ưu đãi | 0 | 0 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu. | 10.000 | 10.000 |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 7.113.856.062 | 6.445.655.111 |
| Cộng | 7.113.856.062 | 6.445.655.111 |

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu ngoài nội bộ | 177.544.279.628 | 140.217.158.714 |
| Doanh thu bán sách hỗ trợ sách giáo khoa | 132.190.588.305 | 100.863.221.813 |
| Doanh thu bán sách tham khảo | 35.008.677.359 | 24.969.758.463 |
| Doanh thu hoạt động khác | 10.345.013.964 | 14.384.178.438 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 177.544.279.628 | 140.217.158.714 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ sách giáo khoa | 4.064.407.984 | 1.695.926.690 |
| Hàng bán bị trả lại sách tham khảo | 1.522.930.988 | 2.206.443.226 |
| Hàng bán bị trả lại khác | 6.193.182 | 22.621.005 |
| Cộng | 5.593.532.154 | 3.924.990.921 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu thuần bán sách hỗ trợ sách giáo khoa | 128.126.180.321 | 99.167.295.123 |
| Doanh thu thuần bán sách tham khảo | 33.485.746.371 | 22.763.315.237 |
| Doanh thu thuần khác | 10.338.820.782 | 14.361.557.433 |
| Cộng | 171.950.747.474 | 136.292.167.793 |
| 4. Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn sách hỗ trợ sách giáo khoa | 83.836.647.200 | 65.110.282.662 |
| Giá vốn sách tham khảo | 23.613.157.481 | 17.318.480.935 |
| Giá vốn khác | 9.040.833.161 | 12.934.522.522 |
| Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.002.248.440 | 483.136.800 |
| Cộng | 117.492.886.282 | 95.846.422.919 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi | 1.170.216.509 | 578.972.644 |
| Nhận chiết khấu thanh toán | 243.320.687 | 448.438.356 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 556.670.000 | 585.865.000 |
| Cộng | 1.970.207.196 | 1.613.276.000 |
| 6. Chi phí tài chính | | |
| Lãi tiền vay | 750.567.726 | 399.575.905 |
| Chiết khấu thanh toán | 586.180.774 | 57.743.756 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 1.684.813.714 | (405.084.320) |
| Cộng | 3.021.562.214 | 52.235.341 |
| 7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| a. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí nhân viên | 5.636.311.463 | 4.929.975.796 |
| Khấu hao TSCĐ | 444.452.000 | 478.522.451 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.282.858.308 | 5.311.419.799 |
| Chi phí bằng tiền khác | 7.928.394.289 | 3.690.746.525 |
| Cộng | 19.292.016.060 | 14.410.664.571 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| 7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo) | | |
| b. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên | 6.740.772.934 | 4.939.551.755 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 524.080.368 | 305.534.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 0 | 278.519.571 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.279.506.740 | 3.430.063.434 |
| Chi phí bằng tiền khác | 6.890.762.452 | 4.054.189.769 |
| Cộng | 17.435.122.494 | 13.007.858.529 |
| c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi | 218.508.416 | 0 |
| Cộng | 218.508.416 | 0 |
| 8. Thu nhập khác | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Thanh lý TSCĐ | 201.363.636 | 501.500 |
| Thu lại tiền hoa hồng môi giới | 0 | 1.461.004.000 |
| Xử lý sách thừa kiểm kê | 112.954.188 | 0 |
| Xử lý chênh lệch tiền lẻ | 60.474 | 28.771 |
| Cộng | 314.378.298 | 1.461.534.271 |
| 9. Chi phí khác | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Các khoản khác | 366.589 | 1.555.985 |
| Cộng | 366.589 | 1.555.985 |
| 10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 46.422.865.400 | 39.601.711.728 |
| Chi phí nhân công | 11.490.622.232 | 35.223.297.689 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 968.532.368 | 784.056.451 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 85.729.778.573 | 17.368.653.489 |
| Chi phí khác bằng tiền | 25.855.146.005 | 17.650.639.299 |
| Cộng | 170.466.944.578 | 110.628.358.656 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| 11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 17.211.887.745 | 16.048.240.719 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN | 2.027.455.891 | 791.845.381 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 2.584.125.891 | 1.377.710.381 |
| - Chi phí không được trừ | 2.584.125.891 | 1.377.710.381 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | 556.670.000 | 585.865.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 556.670.000 | 585.865.000 |
| Tổng lợi nhuận tính thuế | 19.239.343.636 | 16.840.086.100 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 3.847.868.728 | 3.368.017.280 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 3.847.868.728 | 3.368.017.280 |
| | | |
| 12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.364.019.017 | 12.680.223.439 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*) | 2.525.487.702 | 2.729.569.947 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 10.838.531.315 | 9.950.653.492 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 4.659.200 | 4.659.200 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.326,26 | 2.135,70 |
| | | |
| 13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | Năm 2019 | Năm 2018 |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.364.019.017 | 12.680.223.439 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*) | 2.525.487.702 | 2.729.569.947 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 10.838.531.315 | 9.950.653.492 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi | 4.659.200 | 4.659.200 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.326,26 | 2.135,70 |

(*) Năm 2018 lấy số liệu từ phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 126/NQ-DEIDCO ngày 28/3/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tỷ lệ trích quỹ của kết quả kinh doanh hàng quý. Năm 2019 lấy theo số tạm trích theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được thông qua ở Đại hội đồng cổ đông năm thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán, các khoản vay và nợ.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

| | Tăng/ giảm điểm cơ bản | Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế |
|------------------|---------------------------|---------------------------------------|
| Năm nay | | |
| VND | +100 | 34.785.700 |
| VND | -100 | (34.785.700) |
| Năm trước | | |
| VND | +100 | 173.972.937 |
| VND | -100 | (173.972.937) |

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.1 Rủi ro thị trường

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bìa) và chi phí công in là hai khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán này, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh của Công ty là 4.252.600.000 đồng Việt Nam (ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 258.000.000 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 425.260.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 425.260.000 đồng Việt Nam.

14.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

| | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Không bị quá hạn và không bị suy giảm | 4.126.001.833 | 10.025.254.852 |
| Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm | 56.664.250 | 834.086.570 |
| Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm | 801.110.050 | 1.237.729.542 |
| Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | 604.723.683 | 217.557.652 |
| Quá hạn trên 3 năm | 624.238.265 | 662.226.461 |
| Cộng | 6.212.738.081 | 12.976.855.077 |

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Đối với kinh doanh sách hỗ trợ thì địa bàn và chính sách bán hàng được thực hiện theo Thông báo số 433/NXBGDVN ngày 30/3/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Đối với kinh doanh sách tham khảo và các mặt hàng khác, việc kinh doanh được thực hiện theo chính sách bán hàng của Công ty theo Quyết định số 232/QĐ-DEIDCO ngày 24/4/2017. Theo đó, mỗi khách hàng mới phải được thẩm định để Công ty có phương thức bán hàng riêng cho từng loại khách hàng. Đồng thời, các khách hàng của Công ty cũng được chia làm 4 loại: kim cương, vàng, bạc, đồng và mỗi loại khách hàng này được hưởng các chính sách bán hàng khác nhau.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu hách hàng chưa thu được. Đối với khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

14.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

| Ngày 31 tháng 12 năm 2019 | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng cộng |
|---------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| Các khoản vay và nợ | 10.000.000.000 | 0 | 10.000.000.000 |
| Phải trả người bán | 9.232.880.486 | 0 | 9.232.880.486 |
| Chi phí phải trả | 4.846.935.104 | 0 | 4.846.935.104 |
| Phải trả khác | 13.990.978 | 0 | 13.990.978 |
| Cộng | 24.093.806.568 | 0 | 24.093.806.568 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2018 | | | |
| Phải trả người bán | 6.227.286.549 | 0 | 6.227.286.549 |
| Chi phí phải trả | 3.543.312.168 | 0 | 3.543.312.168 |
| Phải trả khác | 215.757.878 | 0 | 215.757.878 |
| Cộng | 9.986.356.595 | 0 | 9.986.356.595 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Nhà xuất bản.

| | Giá trị ghi số | | | | Giá trị hợp lý | | | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|---------|
| | 31/12/2019 | | 31/12/2018 | | 31/12/2019 | | 31/12/2018 | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Giá trị |
| Tài sản tài chính | | | | | | | | |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.478.570.034 | 0 | 17.397.293.714 | 0 | 3.478.570.034 | 0 | 17.397.293.714 | |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn | 27.137.145.000 | (224.045.000) | 408.545.000 | (150.545.000) | 26.913.100.000 | | 258.000.000 | |
| - Phải thu khách hàng | 6.212.738.081 | (1.465.099.143) | 12.976.855.077 | (1.683.607.559) | 4.747.638.938 | | 11.293.247.518 | |
| - Phải thu khác | 580.898.629 | 0 | 313.701.771 | 0 | 580.898.629 | | 313.701.771 | |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 5.449.500.000 | 0 | 5.449.500.000 | 0 | 5.449.500.000 | | 5.449.500.000 | |
| - Đầu tư dài hạn khác | 13.227.750.000 | (6.707.136.213) | 13.227.750.000 | (5.095.822.499) | 19.934.886.213 | | 8.131.927.501 | |
| TỔNG CỘNG | 56.086.601.744 | (8.396.280.356) | 49.773.645.562 | (6.929.975.058) | 61.104.593.814 | | 42.843.670.504 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | | | |
| - Vay và nợ | 10.000.000.000 | 0 | 0 | 0 | 10.000.000.000 | | 0 | |
| - Phải trả người bán | 9.232.880.486 | 0 | 6.227.286.549 | 0 | 9.232.880.486 | | 6.227.286.549 | |
| - Chi phí phải trả | 4.846.935.104 | 0 | 3.543.312.168 | 0 | 4.846.935.104 | | 3.543.312.168 | |
| - Phải trả khác | 13.990.978 | 0 | 215.757.878 | 0 | 13.990.978 | | 215.757.878 | |
| TỔNG CỘNG | 24.093.806.568 | 0 | 9.986.356.595 | 0 | 24.093.806.568 | | 9.986.356.595 | |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 79.764.165.845 | 46.416.123.574 |
| Tổng | 79.764.165.845 | 46.416.123.574 |

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-------------------------|-------------------------|
| - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (69.764.165.845) | (51.162.951.274) |
| Tổng | (69.764.165.845) | (51.162.951.274) |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan**a. Thu nhập của các thành viên chủ chốt**

| | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS | 1.915.647.808 | 1.929.073.216 |
| Cộng | 1.915.647.808 | 1.929.073.216 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

b. Các giao dịch trọng yếu và số dư các bên liên quan trong năm như sau

Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ- TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tại thời điểm 30/6/2017, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đang nắm giữ 2.075.000 cổ phiếu tương ứng 44,54% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Các bên liên quan khác

Các Công ty trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty con do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nắm quyền chi phối.

Các Công ty liên doanh, liên kết do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng đầu tư.

| STT | Đối tượng giao dịch | Nội dung giao dịch | 01/01/2019 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2019 | Tài khoản |
|--|---------------------------------------|--|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------|
| I. Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | | | | | | | |
| | | Vốn góp của Nhà xuất bản | 20.750.000.000 | 0 | 0 | 20.750.000.000 | 411 |
| | | Chi hộ tiền khen thưởng cho Nhà xuất bản,... | 43.550.000 | 147.000.000 | 190.550.000 | 0 | 131N |
| | | Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu | 0 | 56.800.000 | 6.800.000 | 50.000.000 | 331C |
| II. Các đơn vị trực thuộc Nhà xuất bản | | | | | | | |
| | Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng | Phí bản quyền, vật tư | 379.915.452 | 13.851.190.763 | 14.231.106.215 | 0 | 331C |
| | Nhà xuất bản Giáo dục tại Tp. Hà Nội | Mua sách | 33.928.050 | 0 | 0 | 33.928.050 | 331C |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| STT | Đối tượng giao dịch | Nội dung giao dịch | 01/01/2019 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2019 | Tài khoản |
|--|--|-------------------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|-----------|
| III. Các Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | | | | | | | |
| | Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định | Bán sách | 207.686.235 | 11.202.345.175 | 11.305.267.649 | 104.763.761 | 131N |
| | Công ty Cổ phần in và Dịch vụ Đà Nẵng | Bán sách, công in, cổ tức,... | 0 | 1.134.654.062 | 1.058.125.660 | 76.528.402 | 331C |
| IV. Các Công ty con do Nhà xuất bản nắm quyền chi phối | | | | | | | |
| | Công ty CP Sách và Thiết bị Tổng hợp Hà Tĩnh | Bán sách | 0 | 324.924.400 | 324.924.400 | 0 | 131N |
| | Công ty CP Học liệu | Mua vật tư | 0 | 607.224.000 | 607.224.000 | 0 | 331C |
| | Công ty CP In - PHS và Thiết bị Tổng hợp Quảng Nam | Bán sách | 831.917.738 | 3.973.641.505 | 4.505.549.375 | 300.009.868 | 131C |
| | Công ty CP Sách Thiết bị Bình Thuận | Bán sách | 16.611.420 | 0 | 13.611.420 | 3.000.000 | 131N |
| | Công ty CP Sách và Thiết bị Tổng hợp Tiền Giang | Bán sách | 1.581.000 | 0 | 1.581.000 | 0 | 131N |
| | Công ty CP Sách và Thiết bị Tổng hợp Quảng Trị | Bán sách | 0 | 3.902.429.195 | 3.892.984.407 | 9.444.788 | 131N |
| | Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục | Mua sách | 41.955.200 | 226.816.000 | 230.000.000 | 38.771.200 | 331C |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| STT | Đối tượng giao dịch | Nội dung giao dịch | 01/01/2019 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2019 | Tài khoản |
|-----|---|--------------------|---------------|----------------|----------------|---------------|-----------|
| | Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội | Bán sách | 3.483.555.843 | 242.617.104 | 3.726.172.947 | 0 | 131N |
| | | Mua sách | 0 | 8.362.910.380 | 6.862.587.104 | 1.500.323.276 | 331C |
| | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | Bán sách | 0 | 1.839.229.856 | 1.839.229.856 | 0 | 131N |
| | | Mua sách | 451.506.928 | 1.576.898.048 | 1.750.914.856 | 277.490.120 | 331C |
| | Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục | Mua sách | 634.762.000 | 2.545.886.500 | 2.805.346.000 | 375.302.500 | 331C |
| | Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Đà Nẵng | Bán lịch | 0 | 70.140.000 | 70.140.000 | 0 | 131N |
| | | Mua sách | 212.514.700 | 336.938.900 | 282.654.700 | 266.798.900 | 331C |
| | Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định | Phí TCBT | 8.942.804 | 12.913.238 | 8.942.804 | 12.913.238 | 331C |
| | Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội | Bán sách | 0 | 183.844.600 | 183.844.600 | 0 | 131N |
| | | Phí Biên tập | 859.953.574 | 3.941.972.371 | 3.483.844.600 | 1.318.081.345 | 331C |
| | Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông | Bán sách | 0 | 299.196.770 | 299.196.770 | 0 | 131N |
| | | Phí thiết kế | 0 | 94.884.250 | 17.600.000 | 77.284.250 | 331C |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

| STT | Đối tượng giao dịch | Nội dung giao dịch | 01/01/2019 | Tăng trong năm | Giảm trong năm | 31/12/2019 | Tài khoản |
|-----|--|----------------------|------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------|--------------|
| | Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Bán sách | 30.801.460 | 52.670.880 | 83.472.340 | 0 | 131N |
| | Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Bán sách Mua sách | 464.303.130 0 | 389.230.400 1.618.299.330 | 853.533.530 1.427.228.000 | 0 191.071.330 | 131C 331C |
| | Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung | Bán sách Mua sách | 0 0 | 447.382.710 24.782.230 | 447.382.710 20.827.530 | 0 3.954.700 | 131N 331C |
| | Công ty CP Sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng | Bán sách Mua sách | 0 171.543.204 | 3.167.045.006 5.776.835.375 | 3.167.045.006 5.733.615.360 | 0 214.763.219 | 131N 331C |
| | Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội | Bán sách Mua sách | 82.766.903 0 | 1.170.004.000 124.550.000 | 1.252.770.903 124.550.000 | 0 0 | 131N 331C |
| | Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh | Bán sách Mua sách | 41.388.732 0 | 201.803.000 75.957.440 | 226.956.572 75.957.440 | 16.235.160 0 | 131N 331C |
| | Tạp chí Toán tuổi thơ | Phí quảng cáo | 0 | 10.000.000 | 10.000.000 | 0 | 331C |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là xuất bản, bán sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và bán các công cụ hỗ trợ giáo dục. Công ty không có chi nhánh nào nên Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

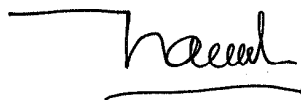
| Đơn vị tính: đồng | | | | |
|---|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Chỉ tiêu | Bán sách hỗ trợ sách giáo khoa | Bán sách tham khảo | Hoạt động khác | Tổng cộng |
| 1. Doanh thu thuần | 128.126.180.321 | 33.485.746.371 | 10.338.820.782 | 171.950.747.474 |
| Doanh thu thuần bán hàng bán ra bên ngoài | 128.126.180.321 | 33.485.746.371 | 10.338.820.782 | 171.950.747.474 |
| 2. Chi phí | 112.246.040.004 | 32.714.643.255 | 9.040.833.161 | 154.001.516.420 |
| Giá vốn | 83.301.942.721 | 25.150.110.400 | 9.040.833.161 | 117.492.886.282 |
| Chi phí phân bổ | 28.944.097.283 | 7.564.532.855 | 0 | 36.508.630.138 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (3 = 1 - 2) | 15.880.140.317 | 771.103.116 | 1.297.987.621 | 17.949.231.054 |
| 4. Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ | 958.637.106 | 250.539.577 | 77.354.817 | 1.286.531.500 |
| 5. Tài sản bộ phận | 83.333.522.528 | 21.779.196.044 | 6.724.389.601 | 111.837.108.173 |
| Tổng tài sản | 83.333.522.528 | 21.779.196.044 | 6.724.389.601 | 111.837.108.173 |
| 6. Nợ phải trả bộ phận | 21.130.977.604 | 5.522.575.908 | 1.705.111.242 | 28.358.664.754 |
| Tổng nợ phải trả | 21.130.977.604 | 5.522.575.908 | 1.705.111.242 | 28.358.664.754 |

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm tài chính 2018 của Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



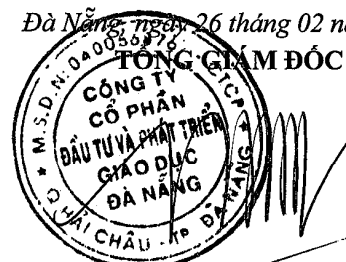
Nguyễn Hà Khiêm

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Ngọc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2020



Nguyễn Quang Dũng